



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2006	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2006	13 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 10 phố Trần Phú – Phường Văn Mỗ – TX Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 là doanh nghiệp nhà nước được Cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Sông Đà 11 – doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 1 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 10 phố Trần Phú – Phường Văn Mỗ – Thị xã Hà Đông – Tỉnh Hà Tây

Điện thoại : (034) 822 867 (034) 501 876

Fax : (034) 820 280

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

Xí nghiệp Sông Đà 11.1

Xí nghiệp Sông Đà 11.2

Xí nghiệp Sông Đà 11.3

Xí nghiệp Sông Đà 11.4

Xí nghiệp Sông Đà 11.5

Trung tâm thí nghiệm điện

Chi nhánh Công ty tại Miền Nam

Nhà máy Thủy điện Thác Trắng

Hoạt động chính của Công ty theo đăng ký kinh doanh là :

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện – điện tử và tự động hóa;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
- Kinh doanh vận tải và du lịch dịch vụ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 34).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Châu	Chủ tịch	31/08/2004
Ông Nguyễn Bạch Dương	Ủy viên	31/08/2004
Ông Hoàng Văn Khinh	Ủy viên	31/08/2004
Ông Nguyễn Đăng Bí	Ủy viên	31/08/2004
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	31/08/2004

Ban điều hành, quản lý

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Tổng Giám đốc	01/10/2004
Ông Nguyễn Đăng Bí	Phó Tổng giám đốc	01/10/2004
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2005
Ông Võ Khánh	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2004
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	15/03/2006
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15/03/2006

* Kế toán trưởng

Ông Đoàn Ngọc Ly từ 01/08/2005

Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Bạch Dương - Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 03 năm 2007



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: 30/2007/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 5 tháng 3 năm 2007, từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2005 được kiểm toán bởi Công ty cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn).

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Hồng Thanh – Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2007

Nguyễn Thị Tư - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		165.207.263.697	144.998.567.513
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.259.172.869	19.425.885.402
1.	Tiền	111		29.259.172.869	19.425.885.402
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.527.360.739	69.790.387.639
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	72.695.199.979	48.283.026.439
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	1.779.460.464	11.617.763.916
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.4	4.052.700.296	9.889.597.284
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		50.945.411.853	49.822.232.873
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	50.945.411.853	49.822.232.873
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.475.318.236	5.960.061.599
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.411.507.182	1.552.952.637
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	4.063.811.054	4.407.108.962

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.670.094.872	58.015.164.730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	210		107.435.202.327	57.929.900.806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	103.712.395.942	23.717.550.122
Nguyên giá	222		130.414.622.120	40.664.840.101
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.702.226.178)	(16.947.289.979)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.662.400.855	1.585.347.891
Nguyên giá	228		1.979.470.426	1.729.470.426
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(317.069.571)	(144.122.535)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	2.060.405.530	32.627.002.793
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		234.892.545	85.263.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		234.892.545	85.263.924
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		272.877.358.569	203.013.732.243

Nguyễn Bạch Dương

Nguyễn Ngọc Lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		235.757.525.259	172.191.191.719
I. Nợ ngắn hạn		310		147.282.236.449	115.367.489.367
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	48.318.555.318	37.091.427.839
2.	Phải trả người bán	312	V.11	36.552.100.141	36.927.612.397
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.12	9.413.871.542	16.172.229.590
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	8.051.937.708	3.479.741.048
5.	Phải trả người lao động	315	V.14	18.275.575.001	6.859.812.925
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	15.012.138.680	11.015.534.926
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	11.658.058.059	3.821.130.642
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn		330		88.475.288.810	56.823.702.352
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.17	260.000.000	10.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	87.669.806.609	56.490.135.551
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	545.482.201	323.566.801
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		37.119.833.310	30.822.540.524
I. Vốn chủ sở hữu		410		37.119.833.310	30.098.063.879
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	20.000.000.000	20.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	V.20	2.104.296.101	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.20	6.209.327.164	3.078.148.997
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	403.599.540	156.517.224
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	8.402.610.505	6.863.397.658
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	724.476.645
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.21	-	272.382.704
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	452.093.941
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		272.877.358.569	203.013.732.243

Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

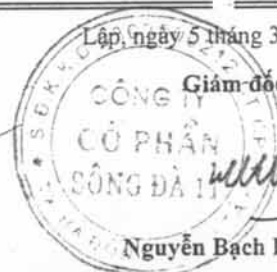
Giám đốc





Đoàn Ngọc Ly

Nguyễn Bạch Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2006

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.084.106.276	6.863.397.658
2. Điều chỉnh các khoản			18.102.990.335	5.583.888.725
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.927.883.235	4.723.218.257
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.662.729.419)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		286.757	5.591.975
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(177.377.284)	(2.714.433.275)
- Chi phí lãi vay	06		8.352.197.627	5.232.241.187
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước sự thay đổi của vốn lưu động	08		28.187.096.611	12.447.286.383
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(9.252.229.737)	17.962.038.225
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(1.123.178.980)	(17.620.358.879)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		17.349.527.186	(398.425.118)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(149.628.621)	11.844.865
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.634.344.034)	(4.212.437.955)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		14.455.660	(1.205.809.938)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.037.040.000)	(1.791.635.205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.364.658.085	5.192.502.378
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.328.888.655)	(38.936.711.034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		177.377.284	2.714.433.275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.151.511.371)	(36.222.277.759)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33		159.130.174.131	122.503.361.655
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(116.723.375.594)	(79.627.280.013)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.786.371.027)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.620.427.510	42.876.081.642
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		9.833.574.224	11.846.306.261
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.425.885.402	7.585.171.116
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(286.757)	(5.591.975)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		29.259.172.869	19.425.885.402

Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc




Đoàn Ngọc Ly

Nguyễn Bạch Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2006

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Xây dựng
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy, thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Xây lắp, thi nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện – điện tử và tự động hóa;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
 - Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
 - Kinh doanh vận tải và du lịch dịch vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là năm tài chính thứ 2 kể từ khi Công ty chuyển từ DNNN sang Công ty cổ phần và là năm thứ 3 Công ty thực hiện kiểm toán độc lập.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2006

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Xây dựng
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy, thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Xây lắp, thi nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện – điện tử và tự động hóa;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
 - Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
 - Kinh doanh vận tải và du lịch dịch vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là năm tài chính thứ 2 kể từ khi Công ty chuyển từ DNNN sang Công ty cổ phần và là năm thứ 3 Công ty thực hiện kiểm toán độc lập.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu chi phí và số dư giữa các đơn vị được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc hàng hóa, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá trị sản} & \text{Thu nhập} & \text{Các khoản} & \text{chi phí} & \text{lãi vay} \\ \text{kinh doanh dở} & = & \text{lượng dở} & \text{chịu thuế} & \text{phụ phí} & \text{quản lý} & \text{ước tính} \\ \text{dang cuối kỳ} & & \text{dang cuối kỳ} & \text{tính trước} & \text{(nếu có)} & \text{ước tính} & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Năm 2006, Công ty không có khoản nào phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Năm 2006, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 10
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Trong năm, Công ty đã trích khấu hao nhanh từ 1,3 lần đến 2 lần khấu hao theo đường thẳng với thời gian như trên đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 là Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 98/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài Chính. Cụ thể, Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Theo công văn số 144 CT/TCKT ngày 19/4/2005, Công ty đăng ký với Cục Thuế tỉnh Hà Tây miễn thuế TNDN trong 2 năm 2004 và 2005, giảm 50% thuế TNDN năm 2006 và 2007.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 4 tháng 12 năm 2006. Theo Công văn số 11924 TC/CST ngày 20/10/2004, công văn số 5248/TC-CST ngày 29/4/2005 và công văn số 10997/BCT-CST ngày 8/9/2006 của Bộ Tài chính thì Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm: 2007 và 2008.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2006: 16.101VNĐ/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu A- B và được khách hàng chấp nhận, lập phiếu giá thanh toán.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bên liên quan
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	857.843.392	865.975.283
Tiền gửi ngân hàng	28.401.329.477	18.559.910.119
Cộng	29.259.172.869	19.425.885.402
2. Phải thu khách hàng		
Xi nghiệp 11.1	10.383.181.718	4.129.590.954
Xi nghiệp 11.2	6.497.978.579	10.976.212.360
Xi nghiệp 11.3	7.948.751.319	11.246.371.473
Xi nghiệp 11.4	2.720.317.106	2.764.357.689
Xi nghiệp 11.5	10.255.117.728	5.401.803.425
Trung tâm thí nghiệm điện	1.110.832.034	4.418.744.613
Chi nhánh Miền nam	5.430.326.021	5.514.942.137
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	248.442.572	
Văn phòng Công ty	28.100.252.902	3.831.003.788
Cộng	72.695.199.979	48.283.026.439
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu về khối lượng xây lắp	66.757.343.505	
Phải thu về khối lượng thí nghiệm hiệu chỉnh	377.507.193	
Phải thu về bán điện	248.442.572	
Phải thu về cung cấp điện, nước	5.223.317.220	
Phải thu khác	88.589.489	
Cộng	72.695.199.979	
3. Trả trước cho người bán		
Xi nghiệp 11.1	-	58.087.500
Xi nghiệp 11.2	111.459.941	736.547.139
Xi nghiệp 11.3	1.483.000.523	492.226.957
Xi nghiệp 11.4	10.000.000	132.398.000
Xi nghiệp 11.5	15.000.000	3.670.007
Trung tâm thí nghiệm điện	60.000.000	-
Chi nhánh Miền nam	26.600.000	25.000.000
BQLDA Thủy điện Thác trắng	-	9.545.926.213
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	3.000.000	-
Văn phòng Công ty	70.400.000	623.908.100
Cộng	1.779.460.464	11.617.763.916

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
4. Các khoản phải thu khác		
Xí nghiệp 11.1	109.625.826	138.405.266
Xí nghiệp 11.2	118.420.791	111.388.413
Xí nghiệp 11.3	63.907.588	126.088.488
Xí nghiệp 11.4	24.501.489	64.064.937
Xí nghiệp 11.5	159.497.661	112.411.866
Trung tâm thí nghiệm điện	167.594.896	49.541.117
Chi nhánh Miền nam	29.777.888	11.601.834
BQLDA Thủy điện Thác trắng	-	11.188.014
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	11.098.437	-
Văn phòng Công ty	3.368.275.720	9.264.907.349
Cộng	4.052.700.296	9.889.597.284
Chi tiết theo nội dung như sau:		
BHXX, BHYT phải thu người lao động	199.805.754	
Tiền điện, nước, điện thoại thu CNV	48.072.643	
Tiền ăn thu của CNV	131.274.015	
Phải thu cơ quan BHXH	45.422.390	
Tiền đền bù, GPMB	116.747.507	
Thuế TNCN phải thu CNV	45.130.604	
Tiền bồi thường TSCĐ bị mất	17.974.201	
Phải thu TCT Sông Đà	3.321.709.910	
Các khoản phải thu khác	126.563.272	
Cộng	4.052.700.296	
5. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	8.355.431.806	14.134.664.116
Công cụ, dụng cụ	294.550.289	252.489.556
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.295.429.758	35.435.079.201
Cộng	50.945.411.853	49.822.232.873
6. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3.401.387.396	4.358.038.462
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	662.423.658	49.070.500
Cộng	4.063.811.054	4.407.108.962

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	500.347.453	20.004.650.440	17.909.174.149	2.250.668.059	40.664.840.101
Tăng trong năm	38.619.766.773	47.367.745.457	3.122.470.757	815.102.402	89.925.085.389
Mua trong năm	-	2.931.314.760	3.076.266.597	812.045.915	6.819.627.272
Đầu tư XDCB hoàn thành	38.619.766.773	44.397.338.841	-	-	83.017.105.614
Tăng khác	-	39.091.856	46.204.160	3.056.487	88.352.503
Giảm trong năm	-	125.669.102	-	49.634.268	175.303.370
Do thanh lý	-	20.476.190	-	-	20.476.190
Giảm khác	-	105.192.912	-	49.634.268	154.827.180
Số cuối năm	39.120.114.226	67.246.726.795	21.031.644.906	3.016.136.193	130.414.622.120
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	176.057.787	8.696.656.278	6.745.536.607	1.329.039.307	16.947.289.979
Tăng trong năm	1.142.684.460	5.190.738.301	2.984.953.679	827.021.006	10.145.397.446
Khấu hao trong năm	1.142.684.460	5.190.039.901	2.984.953.679	764.226.854	10.081.904.894
Tăng khác	-	698.400	-	62.794.152	63.492.552
Giảm trong năm	-	361.842.798	-	28.618.449	390.461.247
Do thanh lý	-	20.476.190	-	-	20.476.190
Giảm do đánh giá lại khi xác định GTĐN để CPH	-	333.033.255	-	16.403.837	349.437.092
Giảm khác	-	8.333.353	-	12.214.612	20.547.965
Số cuối năm	1.318.742.247	13.525.551.781	9.730.490.286	2.127.441.864	26.702.226.178
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	324.289.666	11.307.994.162	11.163.637.542	921.628.752	23.717.550.122
Số cuối năm	37.801.371.979	53.721.175.014	11.301.154.620	888.694.329	103.712.395.942

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong năm	-	250.000.000	250.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	729.470.426	1.250.000.000	1.979.470.426
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	60.789.195	83.333.340	144.122.535
Khấu hao trong năm	72.947.040	99.999.996	172.947.036
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	133.736.235	183.333.336	317.069.571
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	668.681.231	916.666.660	1.585.347.891
Số cuối năm	595.734.191	1.066.666.664	1.662.400.855

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	88.352.500	6.125.730.613	6.214.083.113	
XDCB dở dang	32.538.650.293	52.538.860.851	83.017.105.614	2.060.405.530
- Dự án Thủy điện Thác Trắng	31.671.486.631	51.345.618.983	83.017.105.614	
- Xưởng Cơ khí	867.163.662			867.163.662
- Dự án khai thác và SX đá XD		706.621.868		706.621.868
- Công trình Trụ sở Chi nhánh Miền Nam		486.620.000		486.620.000
Sửa chữa lớn TSCĐ		363.898.673	363.898.673	
Cộng	32.627.002.793	59.028.490.137	89.595.087.400	2.060.405.530

10. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Chi nhánh NH ĐT&PT Đông Đô	20.336.239.035	17.383.372.722
Vay ngắn hạn Chi nhánh NH CT Hà Tây	21.982.695.376	19.708.055.117
Vay ngắn hạn NH NN&PTNT Chi nhánh Kim Mã	5.999.620.907	-
Cộng	48.318.555.318	37.091.427.839

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	37.091.427.839	41.823.121.948
Số tiền vay phát sinh trong năm	123.342.719.537	71.491.086.344
Số tiền vay đã trả trong năm	(112.115.592.058)	(76.222.780.453)
Số cuối năm	48.318.555.318	37.091.427.839

11. Phải trả người bán

Xí nghiệp 11.1	6.540.832.151	3.700.576.111
Xí nghiệp 11.2	3.003.826.849	2.390.137.475
Xí nghiệp 11.3	7.061.355.909	6.353.364.140
Xí nghiệp 11.4	1.636.970.283	1.092.386.462
Xí nghiệp 11.5	4.519.556.514	8.719.861.856
Trung tâm thí nghiệm điện	944.356.956	277.662.152
Chi nhánh Miền nam	1.233.415.723	-
BQL Thủy điện Thác trắng	-	4.243.110.681
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	2.581.655.973	-
Văn phòng Công ty	9.030.129.783	10.150.513.520
Cộng	36.552.100.141	36.927.612.397

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong đó:		
Phải trả nhà cung cấp vật tư, thiết bị, CCDC	20.183.527.970	
Phải trả nhà cung cấp điện	588.477.224	
Phải trả nhà cung cấp TSCĐ	742.966.144	
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	370.819.179	
Phải trả nhà thầu xây lắp	14.592.437.067	
Phải trả các nhà cung cấp khác	73.872.557	
Cộng	36.552.100.141	

12. Người mua trả tiền trước

Là các khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng xây dựng

Xí nghiệp 11.1	730.044.508	1.842.004.745
Xí nghiệp 11.2	2.239.945.568	3.064.000.000
Xí nghiệp 11.3	1.852.176.570	494.114.459
Xí nghiệp 11.4	1.064.495.638	3.005.014.336
Xí nghiệp 11.5	1.573.186.847	5.565.961.352
Trung tâm thí nghiệm điện	702.000.000	1.666.365.000
Chi nhánh Miền nam	1.000.000.000	518.989.466
Văn phòng Công ty	252.022.411	15.780.232
Cộng	9.413.871.542	16.172.229.590

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.343.886.275	13.637.881.307	10.443.575.857	6.538.191.725
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	396.112.914	396.112.914	-
Thuế doanh thu	98.183.519	-	98.183.519	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	232.427.792	232.427.792	-
Thuế TNDN	14.455.660	1.411.975.650	14.455.660	1.411.975.650
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền thuê đất	-	14.000.000	14.000.000	-
Các loại thuế khác	23.215.594	126.974.479	48.419.740	101.770.333
Các khoản phải nộp khác				
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	3.479.741.048	15.819.372.142	11.247.175.482	8.051.937.708

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất cho từng mặt hàng như sau:

- Hoạt động kinh doanh xây lắp: thuế suất 5% với các công trình dở dang từ năm 2003 chuyển sang; thuế suất 10% với các công trình còn lại chịu thuế GTGT.
- Hoạt động kinh doanh khác: thuế suất 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.084.106.276
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.434.081
- Các khoản điều chỉnh tăng	513.111.798
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận năm 2005 theo BB KTNN	479.436.798
Các khoản chi phúc lợi	21.675.000
Thù lao HĐQT	12.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(511.677.717)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2005 theo BB KTNN	511.677.717
Tổng thu nhập chịu thuế	10.085.540.357
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.411.975.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.411.975.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.975.650

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động sử dụng nước thiên nhiên để phát điện thương phẩm với mức 2%.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
14. Phải trả người lao động		
Phải trả công nhân viên	10.191.247.383	6.859.812.925
Phải trả người lao động khác	8.084.327.618	
Cộng	<u>18.275.575.001</u>	<u>6.859.812.925</u>
15. Chi phí phải trả		
Xí nghiệp 11.1	322.944.053	905.357.025
Xí nghiệp 11.2	317.117.722	2.022.917.802
Xí nghiệp 11.3	1.063.219.697	3.463.678.316
Xí nghiệp 11.4	3.006.527.230	517.434.936
Xí nghiệp 11.5	719.467.979	2.208.871.392
Trung tâm thí nghiệm điện	163.736.082	38.946.691
Chi nhánh Miền nam	122.810.315	196.571.429
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	124.408.892	
Văn phòng Công ty	9.171.906.710	1.985.324.136
Cộng	<u>15.012.138.680</u>	<u>11.339.101.727</u>
Chi tiết chi phí phải trả như sau:		
Chi phí các công trình chưa tập hợp chứng từ	5.341.345.878	
Chi phí lãi vay phải trả	8.517.406.942	
Các chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn	967.932.848	
Chi phí khác	185.453.012	
Cộng	<u>15.012.138.680</u>	
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.031.171.225	523.429.791
Bảo hiểm xã hội	791.256.615	978.597.406
Phải trả, phải nộp khác	9.696.746.304	2.319.103.445
+ Các quỹ xã hội nhân đạo	229.963.679	159.293.383
+ Phải trả các cá nhân tiền KLCT	5.419.170.549	
+ Tiền vay vốn lưu động	108.000.000	
+ Kinh phí đền bù công trình Hà Giang	91.000.000	
+ Tiền mua cổ phần Trung tâm Thí nghiệm của CNV	1.732.500.000	
+ Cổ tức phải trả các cổ đông	13.628.973	800.000.000
+ Kinh phí đào tạo	127.500.000	127.500.000
+ Giá trị vật tư thu hồi công trình SêSan 3A chờ quyết toán với chủ đầu tư	1.345.138.998	
+ Giá trị công trình điện Nghi Sơn bị cắt giảm chờ quyết toán với chủ đầu tư	232.761.491	
+ Tiền BHXH, lương phải trả người lao động	201.263.218	
+ Các khoản phải trả khác	334.703.311	1.232.310.062
Cộng	<u>11.658.058.059</u>	<u>3.821.130.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
17. Phải trả dài hạn khác	260.000.000	10.000.000
Là khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn		
18. Vay và nợ dài hạn		
<i>Vay dài hạn</i>	87.669.806.609	56.490.135.551
• Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	76.942.123.867	46.571.603.347
Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004 với mục đích vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng		
• Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	3.499.613.500	2.850.000.000
• Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Tây		
• Chi nhánh Ngân hàng Công thương Hà Tây	842.300.000	1.316.650.000
• Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT Tây Hà Nội	4.764.166.778	5.682.052.704
• Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT Bắc Hà Nội	1.621.602.464	69.829.500
<i>Nợ dài hạn</i>		
<i>Trái phiếu</i>		
Cộng	87.669.806.609	56.490.135.551

Khoản vay Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên để xây dựng Nhà máy thủy điện Thác Trắng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	46.571.603.347	30.370.520.520		76.942.123.867
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	2.850.000.000	2.349.613.500	1.700.000.000	3.499.613.500
Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Tây	1.316.650.000	704.500.000	1.178.849.000	842.301.000
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Hà Tây	5.682.052.704	553.355.074	1.471.242.000	4.764.165.778
Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT Bắc Hà Nội	69.829.500	1.809.465.500	257.692.536	1.621.602.464
Cộng	56.490.135.551	35.787.454.594	4.607.783.536	87.669.806.609

19. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	323.566.801
Số trích lập trong năm	232.815.650
Số chi trong năm	(10.900.250)
Số cuối năm	545.482.201

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp của các cổ đông	9.400.000.000	9.400.000.000
Cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm: 3.786.371.027

Là số chi trả cổ tức quý 4 năm 2004 (4%) và cổ tức năm 2005 (15%)

Sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị vẫn chưa công bố cổ tức năm 2006.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

2.104.296.101

Là khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại Trung tâm thí nghiệm điện – đơn vị trực thuộc Công ty.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	367.711.615	257.082.316	595.990.000	28.803.931
Quỹ phúc lợi	(95.328.911)	507.574.980	441.050.000	(28.803.931)
Cộng	<u>272.382.704</u>	<u>764.657.296</u>	<u>1.037.040.000</u>	<u>-</u>

Chi tiết số tăng trong năm gồm:

+ Phân phối lợi nhuận năm 2005:

494.164.632

+ Tổng Công ty Sông Đà thưởng:

10.000.000

+ Trích từ lợi nhuận năm 2006:

260.492.664

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Xí nghiệp Sông Đà 11.1	36.345.800.121	18.094.199.431
Xí nghiệp Sông Đà 11.2	53.384.686.356	68.508.911.749
Xí nghiệp Sông Đà 11.3	45.829.597.955	21.144.518.679
Xí nghiệp Sông Đà 11.4	26.333.005.213	5.391.624.520
Xí nghiệp Sông Đà 11.5	33.002.240.262	30.476.155.981
Trung tâm thí nghiệm điện	12.854.548.468	5.847.408.198
Chi nhánh Miền nam	20.436.836.040	6.266.979.701
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	3.239.737.320	-
Văn phòng Công ty	23.711.757.563	1.301.045.189
Cộng	255.138.209.298	157.030.843.448
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	3.025.516.407	
- Doanh thu hoạt động xây dựng	213.497.568.846	
- Doanh thu hoạt động khác	38.615.124.045	
Cộng	255.138.209.298	
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-24.992.727	
- Giảm giá hàng bán	-24.992.727	
Doanh thu thuần	255.113.216.571	
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.025.516.407	
- Doanh thu hoạt động xây dựng	213.472.576.119	
- Doanh thu hoạt động khác	38.615.124.045	
2. Giá vốn hàng bán		
Xí nghiệp Sông Đà 11.1	30.890.349.618	14.876.303.952
Xí nghiệp Sông Đà 11.2	45.256.309.626	61.385.462.694
Xí nghiệp Sông Đà 11.3	38.293.299.822	19.082.730.094
Xí nghiệp Sông Đà 11.4	22.664.393.601	3.648.513.918
Xí nghiệp Sông Đà 11.5	27.357.821.102	20.827.294.075
Trung tâm thí nghiệm điện	9.645.118.941	3.937.341.206
Chi nhánh Miền nam	17.329.317.226	5.475.266.607
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	2.773.694.102	-
Văn phòng Công ty	22.595.319.033	1.236.008.771
Cộng	216.805.623.071	130.468.921.317
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.568.754.260	
Giá vốn của hoạt động xây dựng	183.558.399.499	
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	30.678.469.312	
Cộng	216.805.623.071	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây –

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Xí nghiệp Sông Đà 11.1	14.648.716	7.798.233
Xí nghiệp Sông Đà 11.2	16.491.286	14.654.546
Xí nghiệp Sông Đà 11.3	22.473.617	491.917.274
Xí nghiệp Sông Đà 11.4	4.221.639	1.611.371
Xí nghiệp Sông Đà 11.5	15.877.269	135.529.880
Trung tâm thí nghiệm điện	6.477.972	2.361.601
Chi nhánh Miền nam	3.960.437	697.381
Nhà máy Thủy điện Thác trắng	12.668.478	-
Văn phòng Công ty	792.439.654	2.059.862.989
Cộng	889.259.068	2.714.433.275
Trong đó:		
Lãi tiền gửi Ngân hàng	177.377.284	97.545.013
Lãi cho vay Tổng công ty	682.243.795	1.993.673.176
Lãi do nộp cổ phần chậm	19.047.631	37.303.381
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.590.358	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác		585.911.705
Cộng	889.259.068	2.714.433.275
4. Chi phí tài chính		
Lãi vay Ngân hàng	8.344.126.223	5.232.241.187
Lãi vay các đối tượng khác	8.071.404	-
Phí chuyển tiền	151.440.975	39.036.419
Phí bảo lãnh	454.959.400	29.625.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá	286.757	5.591.975
Chi phí tài chính khác	6.263.252	15.937.093
Cộng	8.965.148.011	5.322.431.982
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	10.427.679.992	8.665.364.373
Chi phí vật liệu quản lý	1.485.882.498	991.622.671
Chi phí đồ dùng văn phòng	231.355.110	458.964.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.940.745.405	1.076.311.236
Thuế, Phí lệ phí	138.940.720	105.745.191
Phí hợp đồng thầu phụ nộp Tổng Công ty	228.391.838	1.358.281.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.249.118.631	2.081.653.142
Chi phí bằng tiền khác	2.965.451.309	2.403.262.377
Cộng	19.667.565.503	17.141.204.704

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
6. Thu nhập khác		
Xí nghiệp Sông Đà 11.1	25.716.057	44.482.000
Xí nghiệp Sông Đà 11.3	1.000.000	10.055.000
Xí nghiệp Sông Đà 11.4	-	17.000.000
Xí nghiệp Sông Đà 11.5	710.000.000	7.000.000
Văn phòng Công ty	64.677.570	22.200.900
Cộng	801.393.627	100.737.900
Trong đó:		
Thu bán TSCĐ thanh lý	1.000.000	
Thu bán vật tư thu hồi	710.000.000	
Thu bán hồ sơ thầu	9.500.000	
Xử lý công nợ không phải trả	55.177.863	
Điều chỉnh tăng doanh thu 2005 theo BB KTNN	25.715.764	
7. Chi phí khác		
Xí nghiệp Sông Đà 11.1	-	20.000.000
Xí nghiệp Sông Đà 11.2	25.000.048	-
Xí nghiệp Sông Đà 11.3	332.114.982	4.462.269
Xí nghiệp Sông Đà 11.4	-	17.594.435
Xí nghiệp Sông Đà 11.5	922.200.690	162.598
Trung tâm thí nghiệm điện	2.110.685	-
Văn phòng Công ty	-	7.839.660
Cộng	1.281.426.405	50.058.962
Trong đó:		
Giá trị các công trình đã ghi nhận doanh thu các năm trước bị cắt giảm theo phê duyệt quyết toán	395.339.145	
Các khoản điều chỉnh BCTC năm 2005 theo BB KTNN	129.347.176	
Giá vốn của vật tư thu hồi	731.740.036	
Chi phí khác	25.000.048	
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.672.130.626	6.863.397.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.672.130.626	6.863.397.658
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.336	3.432

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho TCT vay vốn	682.243.795	1.993.673.176
Phí hợp đồng thầu phụ nộp TCT	228.391.838	1.358.281.000
Tiền thuê văn phòng		522.267.968

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải thu vốn lưu động	3.321.709.910	9.043.021.421
Cộng nợ phải thu	3.321.709.910	9.043.021.421

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2006 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót
VAS 30	Lãi trên cổ phiếu

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới ban hành đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

		Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
	Mã số		
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu	130	74.197.496.601	69.790.387.639
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	9.043.021.412	-
Các khoản phải thu khác	138	5.253.684.834	9.889.597.284
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.552.952.637	5.960.061.599
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.407.108.962
Nợ ngắn hạn	310	119.691.147.168	115.691.056.168
Vay và nợ ngắn hạn	311	41.081.518.839	37.091.427.839
Người mua trả tiền trước	313	11.563.173.259	16.172.229.590
Chi phí phải trả	316	11.339.101.727	11.015.534.926
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.440.186.973	3.821.130.642
Nợ dài hạn	330	52.500.044.551	56.823.702.352
Phải trả dài hạn khác	333	-	10.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	52.500.044.551	56.490.135.551
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	323.566.801

4. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Công ty giảm thời gian khấu hao nhà cửa, vật kiến trúc xuống còn 10 năm, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải từ 10 năm xuống 7 năm, thiết bị dụng cụ quản lý từ 8 năm xuống còn 5 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý, đồng thời khấu hao nhanh từ 1,3 lần đến 2 lần đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao và áp dụng khấu hao nhanh làm cho chi phí khấu hao năm nay tăng đồng so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ : Km 11, đường Trần Phú – Thị xã Hà Đông – Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	60,54	71,40
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	39,46	28,60
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	86,40	84,80
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13,60	15,20
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,16	1,18
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,25
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,20	0,17
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,93	4,37
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,38	4,37
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,70	3,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,70	3,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	23,36	22,80

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Đoàn Ngọc Ly

Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2007

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bạch Dương

Địa chỉ: Km 11, đường Trần Phú - Thị xã Hà Đông - Hà Tây

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục số 1

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	20.000.000.000				4.347.700.669
Tăng trong năm trước					6.863.397.658
Lợi nhuận tăng trong năm trước					(3.234.666.221)
Trích quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính			3.078.148.997	156.517.224	(313.034.448)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi					(800.000.000)
Cổ tức năm 2004 (4%)					
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	-	3.078.148.997	156.517.224	6.863.397.658
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	-	3.078.148.997	156.517.224	6.863.397.658
Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản khi xác định Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm thí nghiệm		2.104.296.101			8.672.130.626
Lợi nhuận tăng trong năm nay					8.639.889.707
Trong đó:					32.240.919
- Lãi năm nay					
- Điều chỉnh lợi nhuận năm trước theo Biên bản KTNN					
Phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên					
- Thuế TNDN năm 2005 được miễn tăng quỹ ĐTPT			1.930.778.801		(1.930.778.801)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính			1.200.399.366	247.082.316	(1.447.481.682)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi					(494.164.632)
- Chia cổ tức (15%)					(3.000.000.000)
					(260.492.664)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2006					
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	2.104.296.101	6.209.327.164	403.599.540	8.402.610.505



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính